TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG NGỰ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 05-3-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nông Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ta.

2. Ông Nguyễn Sơn Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Êm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Ngô Hữu Ý - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2019, về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh B, sinh năm 1978; địa chỉ cư trú: ấp B, xã 1, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Chị N, sinh năm 1976; địa chỉ cư trú: ấp B, xã 1, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

Anh B và chị N đều có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 12 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh B, trình bày: Anh và chị N có tìm hiểu trước, được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới vào năm 1998, không nhớ rõ ngày tháng, không

có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, anh và chị N có được hai con, gia đình sống rất hạnh phúc. Đến khoảng tháng 02 năm 2018 thì anh bị bệnh nặng (tai biến) và từ đó vợ anh không quan tâm đến anh nữa, bỏ mặt con cái không chăm sóc. Vợ anh đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sống từ tháng 7 năm 2018 đến nay. Từ khi không còn sống chung vợ chồng không gặp nhau để hàn gắn tình cảm. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh yêu cầu ly hôn với chị N. Về con chung: Có hai con chung tên V, sinh ngày 09 tháng 10 năm 2007 và T, sinh ngày 16 tháng 7 năm 2009, đang sống chung với anh. Anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung và tự nguyện không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn, chị N trình bày: Về hôn nhân, con chung và tài sản chung như anh B trình bày. Chị thống nhất ly hôn theo yêu cầu của anh B. Về con chung: Tùy theo ý kiến của các con, nếu hai con theo cha thì cha nuôi dưỡng, nếu hai con đồng ý theo mẹ thì mẹ nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng. Về tài sản chung và về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nội dung vụ án đề nghị, về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh B và chị N. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của anh B. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh B khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với chị N là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn anh B và bị đơn chị N đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu ly hôn của anh B, theo xác nhận ngày 26 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân xã 1 thì anh B và chị N chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn. Tại khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, quy định: Việc kết hôn phải được đăng ký

và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định... Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định thì không có giá trị pháp lý... Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng... Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Toà án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng... Do đó, Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh B và chị N.

[4] Về con chung: Anh B yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và tự nguyện không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Chị N thống nhất theo nguyện vọng của con chung. 02 cháu V và T đều có nguyện vọng muốn sống chung với anh B. Việc anh B được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung đảm bảo tốt về mọi mặt và phát triển bình thường của 02 cháu. Do đó, yêu cầu của anh B là phù hợp nên chấp nhận. Anh B tự nguyện không yêu cầu nên chị N không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự trình bày không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án chưa xem xét.

[6] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên là có căn cứ nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 14, 15, 53, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27, điểm 1.1 khoản 1 Mục II Phần A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh B và chị N.

2. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của anh B.

2.1. Anh B được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung V, sinh ngày 09 tháng 10 năm 2007 và T, sinh ngày 16 tháng 7 năm 2009.

2.2. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung: Tòa án chưa xem xét.

4. Về án phí: Anh B chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số BG/2015 0004157 ngày 08 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa, có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Nông Phú